

Số: /QĐ-ĐHHL

Ninh Bình, ngày tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về hoạt động đối sánh,
so chuẩn chất lượng giáo dục của Trường Đại học Hoa Lư**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 23/7/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hoa Lư nhiệm kỳ 2020-2025 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hoa Lư;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-ĐHHL ngày 01/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc ban hành Quy định hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục trong trường Đại học Hoa Lư;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục của Trường Đại học Hoa Lư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý chất lượng, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo trường;
- Lưu: VT, QLCL.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Vũ Văn Trường

QUY ĐỊNH
Về hoạt động đối sánh, so chuẩn
chất lượng giáo dục của Trường Đại học Hoa Lư
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHL ngày /3/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Văn bản này quy định về hình thức, nội dung, đối tác và quy trình thực hiện tổ chức hoạt động đối sánh chất lượng giáo dục tại Trường Đại học Hoa Lư.
- Văn bản này áp dụng cho các đơn vị và cá nhân thuộc Trường Đại học Hoa Lư.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Đối sánh (Benchmarking):** Là một quá trình nhằm giúp Nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục bằng cách tìm hiểu, so sánh, đối chiếu, phân tích các nội dung đã chọn với một cơ sở giáo dục (CSGD) đại học khác trong hoặc ngoài nước có sự vượt trội về các nội dung đối sánh đồng thời mang những đặc tính tương đồng.
- So chuẩn (Comparative):** Là quá trình so sánh tiêu chuẩn chất lượng được CSGD sử dụng đối với một lĩnh vực với tiêu chuẩn chất lượng cùng lĩnh vực của CSGD khác (nhằm đảm bảo khi đối sánh các nội dung phải cùng một tiêu chuẩn chất lượng).

Chương II
HÌNH THỨC, NỘI DUNG, ĐỐI TÁC VÀ QUY TRÌNH ĐỐI SÁNH

Điều 3. Hình thức đối sánh

- Đối sánh nội bộ:** Là hình thức so sánh số liệu giữa các đơn vị thuộc trường Đại học Hoa Lư theo định kỳ mỗi năm tài chính hoặc mỗi năm học.
- Đối sánh ngoài:** Là hình thức so sánh số liệu của Trường Đại học Hoa Lư với cơ sở giáo dục đại học khác (đối tác) theo định kỳ.

Điều 4. Nội dung đối sánh

a) Nội dung đối sánh là các số liệu thuộc các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài
1. Hoạt động đào tạo			
1.1.	Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển, nhập học hàng năm.	X	X
1.2.	Tỷ lệ giảng viên/sinh viên.		X
1.3.	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ/sinh viên.		X
1.4.	Tỷ lệ tốt nghiệp; thôi học; thời gian tốt nghiệp trung bình của người học .	X	X
1.5.	Tỷ lệ có việc làm của người học sau 6 - 12 tháng tốt nghiệp.	X	X
1.6.	Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp.	X	
2. Chương trình đào tạo			
2.1.	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	X	X
2.2.	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Số tín chỉ, số lượng các học phần), khối lượng kiến thức giáo dục đại cương, khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, khối lượng kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo.	X	X
2.3.	Tỉ lệ các học phần thực hành, rèn nghề, học phần tự chọn của chương trình đào tạo.	X	X
2.4.	Đề cương chi tiết học phần.	X	X
3. Hoạt động nghiên cứu khoa học			
3.1.	Loại hình và khối lượng nghiên cứu, các công bố khoa học của giảng viên.	X	X
3.2.	Loại hình và khối lượng nghiên cứu của sinh viên.	X	X
3.3.	Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ.	X	X
3.4.	Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu.	X	X

3.5.	Kết quả nghiên cứu khoa học và sáng tạo, bao gồm thương mại hóa, thử nghiệm, chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp.	X	X
4. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng			
4.1.	Loại hình và khối lượng các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng.	X	
4.2.	Kết quả các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng.	X	
4.3.	Sự hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng.	X	
5. Kết quả hoạt động			
5.1.	Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.		X
5.2.	Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.		X

b) Khuyến khích các đơn vị thực hiện các nội dung đối sánh khác theo chức năng, nhiệm vụ được phân công nhằm có các biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động của đơn vị, của Trường.

Điều 5. Tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện đối sánh

1. Đối tác trong nước: Là các cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân đã đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tiêu chuẩn quốc tế, trong đó ưu tiên các trường có đặc điểm sau:

- Thuộc loại hình trường đại học công lập.
- Có quan hệ hợp tác trong đào tạo.
- Có sự tương đồng về vị trí địa lý, quy mô giảng viên, quy mô người học, trình độ và ngành đào tạo.
- Sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

2. Đối tác ngoài nước: là cơ sở giáo dục đại học của nước ngoài, trong đó ưu tiên chọn các trường có đặc điểm sau:

- Là trường đại học thuộc khu vực ASEAN đặc biệt là các trường tham gia mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á.
- Có sự tương đồng về quy mô giảng viên, quy mô người học, trình độ và ngành đào tạo.
- Sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

Điều 6. Quy trình thực hiện

1. Đối sánh nội bộ:

Hàng năm hoặc theo định kỳ, các đơn vị được giao nhiệm vụ đối sánh thực hiện các bước:

Bước 1: Thu thập số liệu của các đơn vị trong trường theo nội dung đối sánh; Kiểm tra dữ liệu trước khi đối sánh.

Bước 2: Tiến hành thống kê, lượng hóa số liệu, phân tích, so sánh các chỉ số hoặc kết quả hoạt động của các đơn vị theo từng năm học hoặc năm tài chính.

Bước 3: Lập báo cáo, đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng các hoạt động theo nội dung đối sánh trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

Bước 4: Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng.

2. Đối sánh ngoài:

Hàng năm hoặc theo định kỳ, các đơn vị được giao nhiệm vụ đối sánh thực hiện các bước:

Bước 1: Tập hợp số liệu của Nhà trường theo nội dung đối sánh; Kiểm tra số liệu trước khi đối sánh.

Bước 2: Xác định, lựa chọn đối tác.

Bước 3: Liên hệ và thu thập các số liệu của đối tác theo nội dung đối sánh.

Bước 4: Đơn vị thực hiện đối sánh tiến hành thống kê, lượng hóa số liệu, phân tích, so sánh các chỉ số/kết quả hoạt động của Nhà trường với chỉ số/kết quả hoạt động của đối tác theo từng năm học hoặc năm tài chính.

Bước 5: Các đơn vị sử dụng kết quả đối sánh làm căn cứ để lập báo cáo, đề xuất các giải pháp để cải tiến chất lượng các hoạt động của Trường trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

Bước 6: Triển khai kế hoạch cải tiến.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Bảo mật số liệu

Tất cả các số liệu, tài liệu đối sánh đều phải được bảo mật và được lưu trữ tại phòng Quản lý chất lượng. Các đơn vị, cá nhân không được tự ý cung cấp dữ liệu đối sánh cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào khi chưa được Hiệu trưởng cho phép.

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị

Phân công thực hiện các nội dung đối sánh như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì
1. Hoạt động đào tạo		
1.1.	Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển/nhập học hàng năm.	Phòng Đào tạo – Quản lý khoa học
1.2.	Tỷ lệ giảng viên/người học.	
1.3.	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ/người học.	
1.4.	Tỷ lệ tốt nghiệp; thôi học; thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.	
1.5.	Tỷ lệ có việc làm của người học sau 6-12 tháng tốt nghiệp.	Phòng Chính trị và Công tác Học sinh, sinh viên
1.6.	Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp.	
2. Chương trình đào tạo		
2.1.	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	Khoa/bộ môn quản lý các chương trình đào tạo
2.2.	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Số tín chỉ, số lượng các học phần), khối lượng kiến thức giáo dục đại cương, khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, khối lượng kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo.	
2.3.	Tỉ lệ các học phần thực hành, rèn nghề, học phần tự chọn của chương trình đào tạo.	
2.4.	Đề cương chi tiết học phần.	
3. Hoạt động nghiên cứu khoa học		
3.1.	Loại hình và khối lượng nghiên cứu, các công bố khoa học của giảng viên.	Phòng Đào tạo – Quản lý khoa học
3.2.	Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học.	
3.3.	Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ.	
3.4.	Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu.	
3.5.	Kết quả nghiên cứu khoa học và sáng tạo, bao gồm thương mại hóa, thử nghiệm, chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp.	
4. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng		

4.1.	Loại hình và khối lượng các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng.	Phòng Chính trị và công tác Học sinh, sinh viên
4.2.	Kết quả các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng.	
4.3.	Sự hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng.	
5. Kết quả hoạt động		
5.1	Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.	Phòng Đào tạo – Quản lý khoa học
5.2	Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.	Phòng Chính trị và công tác Học sinh, sinh viên

Điều 9. Trách nhiệm của phòng Quản lý chất lượng

Phòng Quản lý chất lượng là đầu mối xây dựng kế hoạch đối sánh hàng năm hoặc định kỳ, xây dựng các biểu mẫu phục vụ liên quan đến hoạt động đối sánh; Theo dõi tình hình, tiến độ thực hiện tại các đơn vị; tổng hợp kết quả, báo cáo Ban Giám hiệu; Thực hiện rà soát, cải tiến những nội dung của quy định này; Lưu trữ, bảo mật số liệu, nội dung đối sánh theo quy định.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, Quy định này có thể được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế của Trường. Việc sửa đổi, bổ sung do Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng./.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Vũ Văn Trường